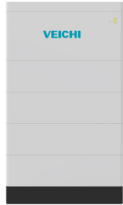


VEICHI

HỆ THỐNG PIN LITHIUM LFP CAO ÁP CHUYÊN DỤNG CHO GIA ĐÌNH

Dòng Sản Phẩm: VCHB-2.5K-ST | Lithium Iron Phosphate (LiFePO4)



VCHB-2.5K-ST

Thiết kế dạng xếp chồng mô-đun linh hoạt

ĐẶC ĐIỂM NỔI BẬT

- ✓ **Giải pháp pin LiFePO4 cao áp:** Mô-đun đơn 51.2V / 50Ah / 2.56kWh. Khuyến nghị xếp chồng từ 3 đến 10 tầng.
- ✓ **Công nghệ Pin LFP Không Cobalt:** Đảm bảo độ an toàn tối đa, tuổi thọ chu kỳ vượt trội và hiệu suất xả cao.
- ✓ **Tương thích đa dạng:** Hoạt động hoàn hảo với hệ thống điện mặt trời Hòa lưới (On-grid) hoặc Hybrid (Hòa lưới có lưu trữ / Độc lập).
- ✓ **Tối ưu hóa tự tiêu thụ:** Tối ưu chi phí điện năng cho gia đình và cơ sở thương mại.
- ✓ **Thiết kế mô-đun thông minh:** Dễ dàng vận chuyển, lắp đặt và mở rộng dung lượng linh hoạt.

Thông Số Mô-Đun Đơn & Khối Điều Khiển (BDU)

Mô-đun Pin (Battery Pack):	51.2V 50Ah (2.56 kWh)
Kích thước Khối BDU (D*R*C):	600 × 210 × 250 mm (Nặng: 14 kg)
Kích thước Mô-đun Pin (D*R*C):	600 × 210 × 160 mm (Nặng: 28 kg)

THÔNG SỐ KỸ THUẬT THEO CẤU HÌNH TẦNG XẾP CHỒNG

Thông số / Số tầng	3 Tầng	4 Tầng	5 Tầng	6 Tầng	7 Tầng	8 Tầng	9 Tầng	10 Tầng
Dung lượng danh định	153.6V 50Ah	204.8V 50Ah	256.0V 50Ah	307.2V 50Ah	358.4V 50Ah	409.6V 50Ah	460.8V 50Ah	512.0V 50Ah
Tổng năng lượng (kWh)	7.68 kWh	10.24 kWh	12.80 kWh	15.36 kWh	17.92 kWh	20.48 kWh	23.04 kWh	25.60 kWh
Dải điện áp vận hành	134.4-168.5V	179.2-224.6V	224.0-280.8V	268.8-337.0V	313.6-393.1V	358.4-449.3V	403.2-505.4V	448.0-561.6V
Kích thước D*R*C (mm)	600*210*870	600*210*1030	600*210*1190	600*210*1350	600*210*1510	600*210*1670	600*210*1830	600*210*1990
Trọng lượng tổng (kg)	102.5 kg	129.0 kg	155.5 kg	182.0 kg	208.5 kg	235.0 kg	261.5 kg	288.0 kg

THÔNG SỐ VẬN HÀNH CHUNG

Dòng sạc khuyến nghị	25 A	Dòng sạc / xả liên tục tối đa	50 A
Dòng xả đỉnh (Peak)	100 A (15 giây)	Mở rộng song song	Tối đa 4 cụm (3-10 mô-đun/cụm)
Công nghệ Cell pin	LiFePO4 (Phosphate)	Tuổi thọ chu kỳ (Life Cycle)	≥ 6000 chu kỳ @ 80% DOD
Màn hình hiển thị	SOC, Điện áp, Trạng thái...	Cổng giao tiếp	RS485 / CAN
Nhiệt độ sạc / xả	Sạc: 0~55°C Xả: -20~60°C	Tản nhiệt / Độ ẩm	Đổi lưu tự nhiên 5% - 95%
Cấp bảo vệ / Môi trường	IP65 / Trong nhà (Indoor)	Chứng chỉ chất lượng	CB, IEC62619, CE, CE-EMC, UKCA, UL1973, UL9540A, UN38.3, MSDS

